

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2024
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Ngọc Lan

Bà Nguyễn Thị Đầu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Tấn Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu L, sinh năm 1969 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Tran, Thai V, sinh năm 1963 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền nhận thay văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Phương M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp C, xã D, thành phố E, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/11/2023 nguyên đơn bà Bùi Thị Thu L trình bày:

Bà và ông Tran, Thai V (Trần Văn T) quen biết nhau qua người bạn mai mối vào năm 2024, tìm hiểu nhau đến năm 2015 thì hai bên kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 253 quyền số 02 ngày 03/9/2015 tại Ủy ban nhân dân

tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian chung sống do ông Tran, Thai V ở Hoa Kỳ nên mỗi năm về Việt Nam 01 lần thăm bà khoảng 01 tháng rồi trở về Hoa Kỳ. Do khoảng cách địa lý xa xôi không có thời gian liên lạc với nhau từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nhiều lần ông bà cố gắng hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Tran, Thai V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2023 bị đơn Tran, Thai V (Trần Văn T) trình bày:

Ông và bà L quen biết qua người bạn mai mối vào năm 2014 tìm hiểu nhau đến năm 2015 thì ông bà kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 253 quyền số 02 ngày 03/9/2015. Trong thời gian chung sống, do ông sinh sống và làm việc ở Hoa Kỳ, bà L sinh sống và làm việc ở Việt Nam. Mỗi năm ông chỉ về Việt Nam thăm bà L được 01 tháng thì phải quay về Hoa Kỳ làm việc. Chính vì vậy tình cảm giữa hai ông bà ngày càng phai nhạt, thường xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu L. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa của bà Bùi Thị Thu L và ông Tran, Thai V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Tran, Thai V trình bày không có. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn là bà Bùi Thị Thu L có quốc tịch Việt Nam, hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Bị đơn ông Tran, Thai V, hiện đang cư trú tại: Hoa Kỳ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3]. Về tố tụng: Bà Bùi Thị Thu L và ông Tran, Thai V đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Thu L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà L và ông Tran, Thai V xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 253, quyển số 02 ngày 03/9/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Tran, Thai V là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L và ông Tran, Thai V đều có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai, ông bà đều thống nhất cho rằng sau khi kết hôn, ông Tran, Thai V sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, mỗi năm về Việt Nam thăm bà L 01 lần khoảng 01 tháng thì quay về Hoa Kỳ. Vì vậy tình cảm giữa hai ông bà ngày càng phai nhạt, thường xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả.

Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông Tran, Thai V là có thật, trong thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Sau khi kết hôn, ông Tran, Thai V vẫn sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, còn bà L thì sinh sống tại Việt Nam, khoảng cách địa lý đã làm tình cảm của ông bà dần phai nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Khi bà L xin ly hôn thì ông Tran, Thai V cũng đồng ý, cho thấy quan hệ vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Thu L và ông Tran, Thai V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Tran, Thai V đều trình bày không có.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu L.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Thu L và ông Tran, Thai V.

Về con chung: Không có.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Tran, Thai V trình bày không có.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000044 ngày 23/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Thu L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với ông Tran, Thai V thì thời hạn kháng cáo là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

